

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY CHẤT LƯỢNG CAO

*(Ban hành theo Quyết định số 2007 /QĐ – ĐHNH ngày 19 tháng 10 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng Tp. HCM)*

Tên chương trình: **TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG**

Trình độ đào tạo: **ĐẠI HỌC**

Ngành đào tạo: **TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG**

Mã số: **7340201**

Hình thức đào tạo: Chính quy tập trung

1. Mục tiêu chung của chương trình đào tạo

Sinh viên tốt nghiệp ngành Tài chính ngân hàng chất lượng cao nắm vững kiến thức nền tảng hiện đại về kinh tế nói chung, kiến thức chuyên sâu về tài chính ngân hàng nói riêng; Có phẩm chất đạo đức tốt; Có năng lực nghiên cứu và thực hành nghề nghiệp thuộc lĩnh vực tài chính ngân hàng trong kỷ nguyên cách mạng 4.0.

2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Chuẩn đầu ra	Nội dung Chuẩn đầu ra	Mức độ theo thang đo
PLO1	Khả năng vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội trong lĩnh vực kinh tế	3
PLO2	Khả năng tư duy phản biện	5
PLO3	Khả năng tổ chức, làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả trong môi trường hội nhập quốc tế	3
PLO4	Thể hiện tính chủ động, tích cực trong học tập nghiên cứu và quản lý các nguồn lực cá nhân, đáp ứng yêu cầu học tập suốt đời.	4
PLO5	Thể hiện ý thức tuân thủ pháp luật, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội	4
PLO6	Khả năng vận dụng kiến thức nền tảng và chuyên sâu một cách hệ thống để giải quyết các vấn đề chuyên môn trong	5

	lĩnh vực tài chính - ngân hàng	
PLO7	Khả năng tham gia xây dựng và phát triển giải pháp ứng dụng trong lĩnh vực tài chính ngân hàng	5
PLO8	Khả năng nhận biết, nắm bắt và thích ứng với các xu hướng thay đổi trong ngành Tài chính – Ngân hàng	5

3. Ma trận tích hợp chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra các môn học

Khối	Số TT	Môn học	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8
Đại Cương	1	Triết học Mác - Lênin	X	X	X					
	2	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin	X	X	X					
	3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	X	X	X					
	4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	X	X	X					
	5	Tư tưởng HCM	X	X	X					
	6	Toán cao cấp 1	X	X				X		
	7	Toán cao cấp 2	X	X				X		
	8	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	X	X				X		
	9	Pháp luật đại cương	X	X			X			
	10a	Tâm lý học	X		X					
Cơ sở	10b	Logic ứng dụng trong kinh doanh	X	X					X	
	1	Kinh tế vi mô	X	X		X				
	2	Kinh tế Vĩ mô	X	X		X				
	3	Giới thiệu ngành TC-NH				X	X			X
	4	Nguyên lý kế toán	X				X	X		
	5	Luật kinh doanh	X	X			X			
	6	Nguyên lý Marketing	X		X	X				
	7	Tin học ứng dụng			X	X			X	
	8	Kinh tế lượng	X	X				X		
	9	Quản trị học	X		X	X				
	10	Lý thuyết TCTT			X			X		X

	11	Tài chính doanh nghiệp					X	X		X
	12	Kế toán tài chính				X	X	X		
	13	Tiếng Anh chuyên ngành TCNH			X	X				X
	14	Phương pháp nghiên cứu khoa học	X	X		X				
Cơ sở	15a	Kinh tế học quốc tế	X		X			X		
	16a	Thị trường TC và ĐCTC						X	X	X
	17a	Tài chính quốc tế						X	X	X
	15b	Cơ sở lập trình				X			X	X
	16b	Giải thuật ứng dụng trong kinh doanh				X			X	X
	17b	Lập trình Python cho phân tích dữ liệu				X			X	X
Ngành	1	Hoạt động KDNH					X	X		X
	2	Phân tích tài chính DN						X	X	X
	3	Thẩm định DADT					X	X		X
	4	Quản trị NHTM					X	X		X
	5	Phân tích kinh doanh						X	X	X
	6a	Bảo hiểm						X	X	X
	7a	Kinh doanh ngoại hối						X	X	X
	8a	Kế toán ngân hàng					X		X	X
	9a	Tài chính phái sinh và quản trị rủi ro						X	X	X
	10a	Thẩm định giá tài sản					X	X		X
	11a	Marketing DVTC						X	X	X
	6b	Học máy						X	X	X
	7b	Chuỗi khối (Blockchain)						X	X	X
	8b	Trí tuệ nhân tạo trong giao dịch định lượng						X	X	X
	9b	Corebanking và ngân hàng điện tử						X	X	X
	10b	Thương mại điện tử						X	X	X

	11b	Khoa học dữ liệu cho tài chính						X	X	X
Chuyên ngành	1	Tín dụng ngân hàng					X	X	X	X
	2	Thanh toán quốc tế					X	X	X	X
	3	Nghiệp vụ ngân hàng đầu tư					X	X	X	X
	4	Quản lý danh mục đầu tư					X	X	X	X
	5	Đầu tư tài chính					X	X	X	X
	6	Báo cáo thực tập				X	X	X	X	X
	7	Khoá luận tốt nghiệp		X		X	X	X	X	X

4. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo chất lượng cao ngành Tài chính - Ngân hàng, có năng lực giải quyết các vấn đề tài chính của doanh nghiệp và các chủ thể khác, thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh của các định chế tài chính (ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng khác, công chứng khoán, công ty bảo hiểm, quỹ đầu tư...). Các vị trí công việc điển hình bao gồm:

- (1) Chuyên viên tư vấn tài chính
- (2) Chuyên viên thẩm định tín dụng
- (3) Chuyên viên thanh toán quốc tế
- (4) Chuyên viên quản lý nguồn vốn
- (5) Chuyên viên môi giới chứng khoán
- (6) Chuyên viên phân tích và quản trị tài chính
- (7) Chuyên viên đầu tư tài chính

Bên cạnh đó, sinh viên cũng có thể tham gia vào các nhóm công việc liên quan đến lĩnh vực công nghệ tài chính và nghiên cứu như: (1) Chuyên viên công nghệ tài chính tham gia phát triển công nghệ tài chính và sản phẩm dịch vụ tài chính mới tại các định chế tài chính như các ngân hàng thương mại, công ty tài chính và công ty chứng khoán. (2) Chuyên viên hoạch định chiến lược với nhiệm vụ tham gia quản lý và kiểm soát hệ thống tài chính tại các cơ quan quản lý tài chính nhà nước Việt

Nam và các định chế tài chính quốc tế. (3) : Chuyên viên nghiên cứu tại các viện nghiên cứu phát triển công nghệ, các công ty phát triển công nghệ, các công ty công nghệ tài chính, các công ty phát triển phần mềm và các công ty cung ứng dịch vụ cho thị trường tài chính. (4) Tự khởi nghiệp trong lĩnh vực công nghệ tài chính: phát triển, thẩm định, triển khai và quản lý các dự án khởi nghiệp công nghệ tài chính. (5) Giảng viên và nghiên cứu viên trong lĩnh vực công nghệ tài chính tại các trường đại học, viện nghiên cứu.

5. Khối lượng kiến thức toàn khoá

Khối lượng kiến thức Chương trình đào tạo đại học chính quy chất lượng cao ngành Tài chính ngân hàng bao gồm:

- Chương trình giáo dục đại cương và chuyên nghiệp: 123 tín chỉ
- Chương trình đào tạo tăng cường gồm 08 tín chỉ kỹ năng mềm và tối đa 36 tín chỉ tiếng Anh tăng cường
- Chương trình giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng gồm 05 tín chỉ giáo dục thể chất và 08 tín chỉ giáo dục quốc phòng.

Điểm số của các học phần trong Chương trình giáo dục đại cương và chuyên nghiệp là căn cứ để tính điểm bình quân tích lũy và xếp loại tốt nghiệp. Các học phần trong chương trình đào tạo tăng cường, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng là học phần điều kiện, không tính vào điểm bình quân và xếp loại tốt nghiệp.

6. Đối tượng tuyển sinh

Đối tượng tuyển sinh phải có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

Thí sinh đăng ký tuyển sinh/xét tuyển vào chương trình đại học chính quy chất lượng cao trong đợt tuyển sinh đại học chính quy hàng năm.

Sinh viên trúng tuyển vào chương trình đại học chính quy ngành tương ứng có nguyện vọng được phép đăng ký chuyển sang học Chương trình đại học chính quy chất lượng cao ngành Tài chính ngân hàng. Điều kiện chuyển đổi được quy định tại Quy chế quản lý học vụ chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ đại học.

7. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Quy trình đào tạo

Quy trình đào tạo được thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Ngân hàng TP. HCM về đào tạo chất lượng cao trình độ đại học.

Điều kiện tốt nghiệp

Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp được thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM. Ngoài ra để được xét công nhận tốt nghiệp, sinh viên thuộc chương trình đào tạo đại học chính quy chất lượng cao ngành Tài chính Ngân hàng phải đáp ứng thêm các điều kiện sau:

- Sinh viên phải đạt chuẩn đầu ra trình độ tiếng Anh tối thiểu ở bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, hoặc có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương theo danh mục Trường thông báo; sinh viên thực hiện nộp các chứng chỉ chứng minh trình độ ngoại ngữ theo thông báo của Trường.
- Hoàn thành các học phần kỹ năng mềm và được cấp chứng chỉ theo quy định của Nhà trường;
- Hoàn thành các học phần tiếng Anh tăng cường theo quy định của Nhà trường;
- Được công nhận hoàn thành hoạt động nghiên cứu khoa học theo quy định của Nhà trường.

8. Chương trình đào tạo tham khảo - đối sánh

8.1. Chương trình đào tạo tham khảo, đối sánh

Khung chương trình trình độ đại học chất lượng cao ngành Tài chính Ngân hàng của trường Đại học Ngân hàng được xây dựng dựa trên chương trình hiện hành và tham khảo chương trình tài chính ngân hàng trình độ đại học của một số trường đại học uy tín ở nước ngoài và ở Việt Nam.

- **Monash University.** Monash university là trường đại học hướng nghiên cứu của Úc có trụ sở chính ở Melbourne. Theo các bảng xếp hạng quốc tế, trường đại học

này nằm trong top 100 trên thế giới và thuộc 8 trường hàng đầu ở Úc theo hướng nghiên cứu.

- **University of Leeds.** Universtiy of Leeds là trường đại học hướng nghiên cứu của Anh có trụ sở chính tại Leeds, West Yourkshire. Trường đại học này cũng thuộc top 100 trên thế giới theo các bảng xếp hạng khác nhau.

- **Asia Pacific University of Technology & Innovation (APU.** Trường Công Nghệ & Đổi Mới Đại Học Châu Á Thái Bình Dương (APU) là một trong những trường đại học tư thục hàng đầu Malaysia. Năm 2017, APU đã được công nhận là một trong những Trường Đại Học Công Nghệ hàng đầu Malaysia bởi Tập Đoàn Kinh Tế Kỹ Thuật Số Malaysia (MDEC), thông qua việc cung cấp các khóa học công nghệ kỹ thuật số tiên tiến nhất và đảm bảo sinh viên tốt nghiệp có chất lượng cao, đáp ứng được nhu cầu nhân lực tại địa phương cũng như trên thế giới.

- **Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (NUE).** Trường Đại học Kinh tế Quốc dân là trường trọng điểm quốc gia, trường đại học hàng đầu về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh trong hệ thống các trường đại học của Việt Nam.

- **Trường Đại học Ngoại thương (FTU).** Trường Đại học Ngoại thương là trường đại học đứng đầu cả nước về khối ngành kinh tế, với thế mạnh thương hiệu là đào tạo ngành kinh tế đối ngoại, kinh doanh quốc tế và quản trị kinh doanh tại Việt Nam

- **Trường đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh (UEH).** UEH là trường đại học chuyên ngành kinh tế tại Việt Nam, được đánh giá là một trong 1000 trường đại học chuyên ngành kinh tế đứng đầu thế giới. Được xếp vào nhóm Đại học trọng điểm quốc gia, là một trụ cột trong hệ thống giáo dục bậc cao của cả nước

- **Trường Đại học Mở TP. HCM (OU).** OU là trường đại học công lập đa ngành hàng đầu ở Việt Nam với định hướng ứng dụng.

Bên cạnh đó, chương trình đào tạo cũng tham khảo mục tiêu đào tạo và nội dung chương trình đào tạo của một số trường Đại học có uy tín khác như University of Wisconsin Madison, University of Pennsylvania (Wharton Business School), Trường Đại học Kinh tế - Đại học quốc gia Hà Nội.

8.2. Khả năng chuyển đổi tín chỉ quốc tế

Sinh viên có thể tham gia chương trình chuyển đổi tín chỉ quốc tế theo các hợp đồng đã ký kết giữa trường Đại học Ngân hàng TP.HCM và các trường đại học đối tác nước ngoài (trong đó có Đại học Griffith, Australia). Khi sinh viên chuyển sang học tại các trường đối tác sẽ được miễn giảm các học phần tương ứng đã học tại Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM và nhận bằng do Trường đối tác cấp.

9. Cách thức đánh giá

Điểm đánh giá kết quả học tập từng học phần của sinh viên được tính theo thang điểm hệ 10 được quy đổi sang điểm chữ và thang điểm hệ 4. Việc quy đổi giữa các thang điểm được thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM.

10. Kết cấu và nội dung chương trình

10.1. Kết cấu chương trình đào tạo

10.1.1 Chương trình giáo dục đại cương và chuyên nghiệp

STT	Khối kiến thức	Số học phần	Số tín chỉ	Tỷ lệ (%)
1	Giáo dục đại cương	10	22	17.89
2	Giáo dục chuyên nghiệp	32	101	82.11
2.1	Cơ sở ngành	17	50	40.65
2.2	Ngành	8	24	19.51
2.3	Chuyên ngành	7	27	21.95
	Tổng cộng	42	123	100

10.1.2 Chương trình giáo dục thể chất quốc phòng

STT	KHỐI KIẾN THỨC	Số tín chỉ
1	Giáo dục thể chất/Physical Education	5
2	Giáo dục quốc phòng an ninh/National Defence and Security Education Programmes	8

	TỔNG CỘNG	13
--	------------------	----

10.1.3 Chương trình đào tạo tăng cường

STT	KHỐI KIẾN THỨC	Số tín chỉ
1	Tiếng Anh tăng cường/ <i>Intensive English</i> (*)	36
2	Kỹ năng mềm/Soft skills	8
	TỔNG CỘNG	44

10.2. Nội dung chương trình đào tạo

ST T	Môn học (Học phần)	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức				Học kỳ phân bổ
			Lý thuyết	Thực hành/ Bài tập	Khác	Cộng	
1. Kiến thức giáo dục đại cương							
1	Triết học Mác- Lênin	Triết học Mác – Lênin là môn học cơ bản, cung cấp kiến thức chung nhằm trang bị thế giới quan duy vật khoa học và phương pháp luận biện chứng duy vật cho người học. Môn học giúp người học xác định đúng vai trò, vị trí của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội. Môn học góp phần nâng cao bản lĩnh chính trị, từng bước hình thành những giá trị văn hoá và nhân sinh quan tốt đẹp, củng cố lý tưởng, niềm tin vào con đường và sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước từ đó nâng cao ý thức trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi người học tốt nghiệp	2	1	0	3	1
2	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin Mác – Lênin là môn khoa học kinh tế, là một bộ phận cấu thành của khoa học Mác – Lênin. Nó nghiên cứu các quan hệ xã hội của con người trong quá trình sản xuất, trao đổi, tiêu dùng của cải vật chất qua các giai đoạn phát triển của lịch sử xã hội loài người. Thông qua đó, làm rõ bản chất của các quá trình và các hiện tượng kinh tế, tìm ra các quy luật vận động của nền kinh tế - xã hội	5/3	1/3	0	2	2

3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong ba bộ phận hợp thành của chủ nghĩa Mác – Lênin, nghiên cứu những quy luật tất yếu của sự ra đời hình thái kinh tế xã hội cộng sản chủ nghĩa; những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa trên thế giới và trong đời sống hiện thực ở Việt Nam hiện nay	5/3	1/3	0	2	2
4	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là môn học cơ bản, bao gồm 4 chương, cung cấp các kiến thức cơ bản về: sự ra đời của Đảng; quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng trong các giai đoạn; thành công, hạn chế, bài học kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng, nhằm giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN	5/3	1/3	0	2	3
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Tư tưởng Hồ Chí Minh là môn học cơ bản, bao gồm 6 chương, cung cấp các kiến thức cốt lõi về: sự hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam; Đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Văn hóa, đạo đức, con người và sự vận dụng của Đảng Cộng sản trong cách mạng Việt Nam, giúp người học nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn	1	1	0	2	3
6	Toán cao cấp 1	Toán cao cấp 1 (TCC1) là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương. Môn học sẽ cung cấp cho người học các kiến thức toán cao cấp về đại số tuyến tính ứng dụng trong phân tích kinh tế. Học xong môn học này, sinh viên có thể áp dụng để thực hiện các tính toán trong kinh tế trên ma trận, sử dụng kiến thức cho các môn học tiếp theo trong chương trình đào tạo.	1	1	0	2	1
7	Toán cao cấp 2	Toán cao cấp 2 là môn học thuộc khối kiến thức đại cương. Môn học sẽ cung cấp cho người học những kiến thức về toán giải tích ứng dụng trong phân tích kinh tế. Nội dung bao gồm: giới hạn, liên tục, đạo hàm và vi phân, tích phân của hàm số một biến số; đạo hàm riêng và vi phân	1	1	0	2	2

		toàn phần, cực trị của hàm nhiều biến; phương trình vi phân cấp 1, cấp 2.					
8	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Lý thuyết xác suất và thống kê toán thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương. Môn học trang bị cho sinh viên nền tảng căn bản và các công cụ xác suất thống kê để tiếp cận với khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành. Giúp sinh viên bước đầu vận dụng kiến thức môn học trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính - ngân hàng, quản trị và hệ thống thông tin quản lý	2	1	0	3	2
9	Pháp luật đại cương	Lý luận về nhà nước và pháp luật là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương. Môn học nghiên cứu về những vấn đề liên quan tới quy luật hình thành, phát triển và bản chất của nhà nước và pháp luật. Nội dung chính đề cập đến: các vấn đề lý luận và thực tiễn của nhà nước và pháp luật nói chung, tới nhà nước và pháp luật Việt Nam nói riêng; những khái niệm cơ bản của pháp luật như vi phạm pháp luật, quy phạm pháp luật....; hệ thống pháp luật và những thành tố cơ bản của nó. Kết thúc môn học sinh viên cần hiểu được hành vi thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật từ đó có tinh thần trách nhiệm, ý thức tuân thủ pháp luật trong công việc và cuộc sống	2	0	0	2	1
Học phần tự chọn (sinh viên chọn 1 trong 2 môn theo 02 nhóm định hướng)							
10a	Tâm lý học	Tâm lý học là môn khoa học xã hội, nghiên cứu các vấn đề về bản chất tâm lý người, phân loại các hiện tượng tâm lý người, sự hình thành và phát triển tâm lý - ý thức; phân tích các thành phần trong hoạt động nhận thức của con người, nghiên cứu các yếu tố trong đời sống tình cảm, ý chí và các thành tố tạo nên nhân cách cũng như các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành phát triển nhân cách con người	5/3	1/3	0	2	2
10b	Logic ứng dụng trong kinh doanh	Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức về cơ sở toán học trong lập trình và mật mã như: logic, quan hệ, truy hồi, đồ thị, cây, mật mã công khai RSA, mã QR,... Sau khi học xong môn học, sinh viên có thể nắm vững kiến thức và kỹ năng suy luận để sử dụng trong các ngôn ngữ lập trình, thuật toán, mã hóa, cùng với việc áp dụng vào một số tình huống thực tế.	1	2/3	1/3	2	2

2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp							
2.1. Kiến thức cơ sở ngành							
1	Kinh tế học vi mô	Kinh tế học vi mô là môn học thuộc khối kiến thức cơ sở khối ngành. Môn học nhằm hướng đến các mục tiêu: (i) Cung cấp kiến thức nền tảng về kinh tế học nói chung và kinh tế học vi mô nói riêng; (ii) Thực hành một số kỹ năng cần thiết như: Kỹ năng đọc, kỹ năng tự học, kỹ năng làm việc nhóm. Để đạt được các mục tiêu trên, môn học sẽ cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản gồm: Mười nguyên lý kinh tế học; các lý thuyết về cung – cầu; các cấu trúc thị trường; lý thuyết hành vi của người tiêu dùng và của doanh nghiệp	2	1	0	3	1
2	Kinh tế học vĩ mô	Kinh tế học vĩ mô là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở khối ngành. Môn học nhằm hướng đến mục tiêu trang bị cho sinh viên: (i) hiểu biết về các khái niệm kinh tế vĩ mô cơ bản, cách thức đo lường các chỉ tiêu của nền kinh tế vĩ mô và mối quan hệ giữa chúng; (ii) hiểu biết về các chính sách của chính phủ trong điều hành kinh tế vĩ mô. Để đạt được các mục tiêu trên, môn học gồm 8 chương, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về kinh tế học vĩ mô, bao gồm: tổng quan về kinh tế học vĩ mô, dữ liệu kinh tế vĩ mô, sản xuất và tăng trưởng, hệ thống tiền tệ, tổng cầu và tổng cung, chính sách tiền tệ và chính sách tài khoá, lạm phát và thất nghiệp, kinh tế học vĩ mô của nền kinh tế mở	2	1	0	3	2
3	Giới thiệu ngành TC - NH	Giới thiệu ngành Tài chính – Ngân hàng là môn học bắt buộc nằm trong khối kiến thức cơ sở của ngành Tài chính – Ngân hàng. Môn học cung cấp những thông tin tổng quát về ngành tài chính – ngân hàng, các vị trí việc làm trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng; đồng thời trang bị cho sinh viên các kỹ năng cần thiết để có thể tự học và tự nghiên cứu. Qua đó, sinh viên có thể định hướng nghề nghiệp, lên kế hoạch học tập, rèn luyện kỹ năng, tu dưỡng phẩm chất đạo đức để có thể đáp ứng được các yêu cầu và có khả năng phát triển nghề nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.	1	0.5	0.5	2	1

4	Nguyên lý kế toán	Môn học được xây dựng trên cơ sở các nguyên lý cơ bản của marketing. Đây là học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành kinh tế. Môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, khả năng nhận biết, hiểu và bước đầu áp dụng được những nội dung marketing cơ bản vào hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Người học cũng được giới thiệu những kiến thức cơ bản liên quan đến việc thu thập thông tin về thị trường, hiểu được hành vi của khách hàng, thực hiện được hoạt động phân khúc thị trường, xác định thị trường mục tiêu và biết cách triển khai bộ công cụ marketing để phục vụ nhu cầu của khách hàng mục tiêu, đồng thời mang lại lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp	5/3	1	1/3	3	3
5	Luật kinh doanh	Môn học gồm 5 chương, cung cấp các kiến thức cơ bản về kinh doanh, quyền tự do kinh doanh; Pháp luật về chủ thể kinh doanh; Pháp luật về hợp đồng trong kinh doanh; Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh; Phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã. Ngoài ra, môn học Luật kinh doanh còn giúp sinh viên có khả năng nhận diện được các quy định của pháp luật để áp dụng cho việc tra cứu và sử dụng giải quyết các tình huống pháp lý phát sinh trong thực tiễn.	2	1	0	3	2
6	Nguyên lý Marketing	Môn học được xây dựng trên cơ sở các nguyên lý cơ bản của marketing. Đây là học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành kinh tế. Môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, khả năng nhận biết, hiểu và bước đầu áp dụng được những nội dung marketing cơ bản vào hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Người học cũng được giới thiệu những kiến thức cơ bản liên quan đến việc thu thập thông tin về thị trường, hiểu được hành vi của khách hàng, thực hiện được hoạt động phân khúc thị trường, xác định thị trường mục tiêu và biết cách triển khai bộ công cụ marketing để phục vụ nhu cầu của khách hàng mục tiêu, đồng thời mang lại lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp.	5/3	1	1/3	3	1
7	Tin học ứng dụng	Môn học rất cần thiết, trang bị một số kiến thức, kỹ năng cần thiết giúp sinh viên khối ngành kinh tế - quản trị - quản lý của Trường Đại học Ngân	2	0	1	3	4

		hàng TP. HCM sử dụng tốt máy tính phục vụ cho học tập, nghiên cứu và làm việc của mình. Sau khi học xong môn học, sinh viên nắm được các kiến thức, kỹ năng cơ bản, sử dụng được các phần mềm MS Word, MS Excel, SPSS, và các phần mềm khác để soạn thảo các văn bản chất lượng cao, lập được các bảng tính phức tạp, giải được một số bài toán trong phân tích tài chính, phân tích kinh doanh, phân tích dữ liệu và quản lý dự án, phục vụ trực tiếp cho học tập, nghiên cứu và làm việc sau này					
8	Kinh tế lượng	Kinh tế lượng là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương. Môn học sẽ cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp ước lượng OLS, suy diễn thống kê và dự báo, cách kiểm định và lựa chọn mô hình. Môn học này là tiền đề cho môn Kinh tế lượng nâng cao	5/3	2/3	2/3	3	3
9	Quản trị học	Quản trị nguồn nhân lực là môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những năng lực cơ bản về quản trị nguồn nhân lực hiệu quả trong tổ chức. Nó chú trọng vào việc cung cấp sự hiểu biết các kiến thức hiện đại về quản trị nguồn nhân lực, nắm được các kỹ năng, công cụ sử dụng để thực hiện các chức năng quản trị nguồn nhân lực và ứng dụng trong phân tích, đánh giá các nghiên cứu trong lĩnh vực quản trị nguồn nhân lực, hành vi của nhân viên trong thời đại nền kinh tế toàn cầu. Sau khi học xong học viên có thể đạt năng lực, kỹ năng hoạch định nguồn nhân lực, xây dựng dự án phân tích công việc, các hoạt động tuyển dụng, đào tạo – phát triển, đánh giá thành tích và chiến lược đãi ngộ nhằm xây dựng một nguồn nhân lực hiệu quả, năng động đáp ứng yêu cầu của chiến lược kinh doanh của tổ chức	2	2/3	1/3	3	2
10	Lý thuyết tài chính – tiền tệ	Lý thuyết tài chính tiền tệ là môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, bao gồm 14 chương, nhằm hướng đến các mục tiêu giúp sinh viên: hiểu và vận dụng được những vấn đề lý luận cơ bản về tiền tệ, tài chính và hệ thống tài chính; hiểu được cơ cấu tổ chức, chức năng, vai trò của hệ thống định chế tài chính trung gian, trong đó tập trung vào ngân hàng thương mại; hiểu và vận dụng được những lý luận cơ	5/3	1	1/3	3	3

		bản về lưu thông tiền tệ như: ngân hàng trung ương, cung cầu tiền tệ, lạm phát, chính sách tiền tệ. Để đạt được các mục tiêu trên, nội dung của môn học đề cập những vấn đề lý luận cơ bản về tài chính - tiền tệ như: tổng quan về tài chính - tiền tệ, ngân sách nhà nước; những vấn đề cơ bản về tín dụng, ngân hàng và thị trường tài chính; các lý luận về cung cầu tiền tệ, lãi suất, lạm phát và chính sách tiền tệ ... Đây là những kiến thức cần thiết và quan trọng làm nền tảng cho quá trình nghiên cứu các vấn đề về kỹ thuật nghiệp vụ chuyên môn trong lĩnh vực kinh tế, tài chính - ngân hàng					
11	Tài chính doanh nghiệp	Tài chính doanh nghiệp là môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về nguyên lý tài chính doanh nghiệp; sinh viên sẽ được tiếp cận các nguyên lý và ứng dụng các mô hình tài chính để xử lý các bài tập cũng như nghiên cứu tình huống liên quan đến các quyết định tài chính chủ yếu trong doanh nghiệp, bao gồm quyết định đầu tư, quyết định tài trợ và quyết định quản trị tài sản. Nội dung của môn học sẽ lần lượt đề cập đến các chủ đề như tổng quan về tài chính doanh nghiệp, giá trị của tiền theo thời gian, lợi nhuận và rủi ro, chi phí sử dụng vốn, hệ thống đòn bẩy và các lý thuyết về cơ cấu vốn. Ngoài ra, sinh viên còn được hướng dẫn sử dụng các phương tiện hỗ trợ xử lý số liệu như máy tính (calculator) và phần mềm excel	2	1	0	3	4
12	Kế toán tài chính	Môn học Kế toán tài chính là môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Môn học sẽ cung cấp cho người học những kiến thức kế toán các phần hành cụ thể tại doanh nghiệp sản xuất: kế toán vốn bằng tiền, kế toán các khoản thanh toán; kế toán các yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất (kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ, kế toán tài sản cố định, kế toán khoản phải trả người lao động); kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm; kế toán đầu tư tài chính; kế toán xác định kết quả kinh doanh; kế toán nguồn vốn chủ sở hữu. Môn học giới thiệu những vấn đề cơ bản của từng phần hành như khái niệm, ý nghĩa, các nguyên tắc kế toán cơ bản; sau đó tìm hiểu quy trình kế toán từng phần hành bao gồm các bước: chứng từ kế toán, tài khoản kế	2	1	0	3	5

		toán, phương pháp kế toán một số nghiệp vụ chủ yếu và trình bày thông tin lên báo cáo tài chính. Môn học cung cấp kiến thức về báo cáo tài chính giúp sinh viên phân tích, đánh giá về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, dòng tiền của doanh nghiệp sản xuất					
13	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng	Môn học được thiết kế nhằm tiếp tục cung cấp cho sinh viên ngành tài chính ngân hàng, chuyên ngành tài chính, kiến thức cũng như lượng từ vựng đáng kể liên quan đến lĩnh vực tài chính như đầu tư nước ngoài, vốn khởi nghiệp, giao dịch tùy chọn, thẩm định tín nhiệm đầu tư, phá sản, ngân hàng, trái phiếu và cổ phiếu. Cụ thể, môn học nhằm: 3.1. cung cấp từ vựng chuyên ngành tài chính ngân hàng và cấu trúc ngữ pháp; 3.2. cung cấp ngữ cảnh về lĩnh vực tài chính ngân hàng để người học thực hành các kỹ năng ngôn ngữ cơ bản. Môn học giúp sinh viên tự tin sử dụng thuật ngữ chuyên ngành trong lĩnh vực tài chính, cấu trúc câu và từ đó có thể cải thiện kỹ năng sử dụng tiếng Anh trong môi trường quốc tế.	1	1	1	3	4
14	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Phương pháp nghiên cứu khoa học là môn học bắt buộc thuộc nhóm môn học kiến thức cơ sở khối ngành được xây dựng để cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các phương pháp tiến hành hoạt động nghiên cứu một cách có hệ thống và mang tính khoa học. Cụ thể, môn học sẽ giới thiệu cơ bản về vấn đề nghiên cứu, vai trò của nghiên cứu, cách thức xác định vấn đề nghiên cứu, thực hiện lược khảo tài liệu và các nghiên cứu trước có liên quan; đặt câu hỏi nghiên cứu; đạo đức trong nghiên cứu, cách trích dẫn và trình bày tài liệu tham khảo; thu thập số liệu và chọn mẫu; cách trình bày dữ liệu và lựa chọn thiết kế nghiên cứu với các dạng dữ liệu; cách viết đề cương và báo cáo nghiên cứu.	2	0.5	0.5	3	4
Học phần tự chọn (Sinh viên chọn 03 học phần thuộc 1 trong 2 nhóm định hướng; lưu ý: chọn hướng đúng với hướng lựa chọn ở kiến thức giáo dục đại cương)							
15a	Kinh tế học quốc tế	Kinh tế học quốc tế là môn học thuộc khối kiến thức cơ sở khối ngành. Môn học nhằm hướng đến mục tiêu trang bị cho sinh viên: (i) Hiểu biết về các khái niệm kinh tế	2	0.5	0.5	3	3

		học quốc tế, các lý thuyết và mô hình kinh tế quốc tế; (ii) Hiểu biết về các chính sách và các công cụ nhằm thực thi chính sách của chính phủ trong việc điều hành hoạt động kinh tế quốc tế. Môn học Kinh tế học quốc tế nghiên cứu mối quan hệ kinh tế giữa các quốc gia thông qua việc trao đổi hàng hóa, dịch vụ và sự di chuyển các nguồn lực kinh tế (lao động, vốn). Môn học cung cấp hệ thống các học thuyết kinh tế quốc tế, các công cụ chính sách thương mại quốc tế và những phân tích cơ bản về cán cân thanh toán quốc tế và tỷ giá hối đoái.					
16a	TTTC và các ĐCTC	Môn học này thuộc hệ thống kiến thức cơ sở của ngành Tài chính – ngân hàng, là môn học bắt buộc trước khi vào học các môn ngành và chuyên ngành. Môn học cung cấp những kiến thức tổng quát về hệ thống tài chính, thị trường tài chính và các định chế tài chính, với các nội dung chính như: đặc điểm của các công cụ tài chính, cách thức tổ chức, hoạt động của các thị trường tài chính và các định chế tài chính như: ngân hàng thương mại, ngân hàng đầu tư, công ty bảo hiểm, quỹ đầu tư và một số tổ chức tài chính khác trong hệ thống tài chính.	5/3	1	1/3	3	4
17a	Tài chính quốc tế	Tài chính quốc tế cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng và kỹ năng nghiên cứu cơ bản về lĩnh vực tài chính quốc tế theo hướng tiếp cận phân tích kinh tế và ứng dụng của tài chính quốc tế trong hoạt động kinh doanh ngày nay. Cấu trúc môn học gồm 3 phần chính. Phần I bao gồm các cơ sở lý thuyết nền tảng của tài chính quốc tế. Phần này sẽ làm rõ và nhấn mạnh mối liên kết chặt chẽ và tương tác liên tục giữa các thị trường và nền kinh tế các nước thông qua các lý thuyết về quan hệ ngang bằng quốc tế giữa giá cả, lãi suất và tỷ giá. Các yếu tố tác động tỷ giá, mô hình tiền tệ về tỷ giá, và các phương pháp dự báo tỷ giá cũng được làm rõ trong phần I. Phần II khảo sát khung cảnh và cấu trúc môi trường tiền tệ và tài chính toàn cầu. Trong phần này, hệ thống tiền tệ quốc tế và thể chế tài chính toàn cầu, cũng như hệ thống các thị trường tiền tệ tài chính toàn cầu là các nội dung sẽ được phân tích. Phần này cũng đề cập vấn đề lưu chuyển vốn	2	1	0	3	4

		quốc tế và kiểm soát lưu chuyển vốn quốc tế của chính phủ các nước. Phần III sẽ chú trọng đến thực hành tài chính quốc tế trong kinh doanh toàn cầu, trong đó hoạt động tài chính của doanh nghiệp quốc tế và quản trị rủi ro tỷ giá sẽ được làm rõ. Ngoài ra, sinh viên thực hành thảo luận xử lý tình huống phân tích ứng dụng liên quan đến quan hệ tài chính quốc tế và rủi ro tỷ giá trong các hoạt động thương mại và đầu tư quốc tế.					
15b	Cơ sở lập trình	Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lập trình, ngôn ngữ lập trình và kỹ thuật lập trình với ngôn ngữ C. Môn học giúp sinh viên hiểu được các khái niệm, các nguyên lý cơ bản trong lập trình, sử dụng được ngôn ngữ lập trình C để viết các chương trình đơn giản. Môn học cũng giúp sinh viên hình thành kỹ năng, tư duy, phong cách lập trình, khả năng nhanh chóng tiếp cận, làm quen với các ngôn ngữ, phương pháp lập trình mới, làm cơ sở cho các môn học lập hình tiếp theo.	2	1	0	3	3
16b	Giải thuật ứng dụng trong kinh doanh	Giải thuật ứng dụng trong kinh doanh là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Môn học này cung cấp cho sinh viên kiến thức về các giải thuật ứng dụng trong kinh doanh thông dụng trên máy tính, giúp sinh viên có khả năng sử dụng các cấu trúc dữ liệu cơ bản. Môn học cũng hướng dẫn sinh viên hiểu, phân tích và đánh giá được các giải thuật làm việc với các cấu trúc dữ liệu đó để giải quyết bài toán trong thực tế.	2	0	1	3	4
17b	Lập trình Python cho phân tích dữ liệu	Lập trình Python cho phân tích dữ liệu là môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Môn học này cung cấp cho người học cách thức sử dụng ngôn ngữ Python để thao tác trên dữ liệu nhằm phân tích và tìm kiếm thông tin hữu ích trên dữ liệu, từ đó hỗ trợ cho các mục tiêu kinh doanh, đầu tư tài chính và dự báo của các doanh nghiệp hoặc các tổ chức trong hoạt động thực tiễn.	1,5	1,5	0	3	4
2.2. Kiến thức ngành							
1	Hoạt động kinh doanh ngân hàng	Hoạt động kinh doanh ngân hàng là môn học bắt buộc thuộc kiến thức ngành Tài chính Ngân hàng. Môn học sẽ làm rõ sự khác biệt của	2	1	0	3	5

		hoạt động kinh doanh ngân hàng với các định chế tài chính khác; đồng thời, sẽ chi tiết hóa các kỹ năng xử lý tình huống cụ thể giúp sinh viên hiểu rõ hơn đặc trưng kinh doanh của ngành ngân hàng và nghiệp vụ ở từng vị trí nghề nghiệp tại ngân hàng. Hoạt động kinh doanh ngân hàng là môn học bổ trợ kiến thức cho môn Marketing dịch vụ tài chính và Quản trị ngân hàng thương mại. Nội dung chính của môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về hoạt động kinh doanh của hệ thống ngân hàng trong nền kinh tế hiện đại, giúp người học nắm vững kiến thức nền tảng trong kinh doanh ngân hàng, tạo điều kiện nghiên cứu sâu hơn về từng loại hoạt động của ngân hàng trong các môn học của chuyên ngành ngân hàng.					
2	Phân tích tài chính doanh nghiệp	Đây là môn học bắt buộc thuộc nhóm Ngành/Chuyên ngành, bao gồm 5 chương nội dung. Môn học giải thích và hướng dẫn sử dụng các mô hình phân tích nhằm đưa ra các kết luận đúng đắn về kết quả kinh doanh, sử dụng vốn và nguồn vốn, cơ cấu tài chính, quản trị vốn lưu động, các dòng tiền, hiệu quả sinh lời của vốn và khả năng thanh toán. Kết quả phân tích cung cấp thông tin hữu ích về “sức khỏe” của doanh nghiệp, là cơ sở việc đưa ra quyết định của chủ nợ, nhà quản trị và các chủ thể khác. Ngoài ra, môn học cũng hướng dẫn người học cách thức thu thập và xử lý thông tin tài chính của các doanh nghiệp, ứng dụng Excel vào việc xử lý số liệu và lập các bảng phân tích. Với các tình huống doanh nghiệp thực tế, người học sẽ được hướng dẫn thực hành phân tích và viết báo cáo phân tích, qua đó trang bị cho người học kỹ năng cần thiết và hữu ích để hình thành và phát triển năng lực thực hành nghề nghiệp có liên quan.	2	1	0	3	5
3	Thẩm định dự án đầu tư	Thẩm định dự án đầu tư là môn học thuộc khối kiến thức ngành tài chính. Môn học nhằm cung cấp cho người học những kiến thức chuyên môn và kỹ năng thẩm định một dự án đầu tư để có thể đưa ra được quyết định cấp tín dụng của các tổ chức tín dụng. Môn học bao gồm các chương như sau: Chương 1 trình bày tổng quan về dự	2	1	0	3	6

		án đầu tư và thẩm định dự án đầu tư, bao gồm định nghĩa, vai trò, phân loại, chu trình và nội dung chủ yếu của dự án đầu tư, định nghĩa, vai trò, nội dung và các quan điểm thẩm định dự án đầu tư. Chương 2 trình bày các nội dung thẩm định ở các phương diện thị trường, kỹ thuật, nguồn nhân lực và quản lý để làm cơ sở cho việc thẩm định hiệu quả tài chính dự án đầu tư. Chương 3 trình bày về phương pháp hoạch định dòng tiền dự án theo các quan điểm khác nhau. Chương 4 trình bày các tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả tài chính của một dự án đầu tư. Chương 5 trình bày phương pháp ước lượng chi phí vốn theo từng quan điểm thẩm định; Chương 6 trình bày kỹ thuật phân tích rủi ro định lượng trong thẩm định dự án đầu tư.					
4	Quản trị ngân hàng thương mại	Quản trị NHTM được đặt trong nguyên lý chung của khoa học về quản trị kinh doanh. Các kiến thức nền tảng về quản trị chỉ được nhắc lại và phát triển chuyên sâu về quản trị kinh doanh ngân hàng. Vì vậy, môn học được thiết kế theo cách tiếp cận đặc thù của hoạt động kinh doanh ngân hàng: (1) Quản trị NHTM theo hướng quản trị định chế (Financial Institution Management) và (2) Quản trị NHTM theo hướng quản trị các rủi ro trong kinh doanh ngân hàng. Môn học trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng để có thể xử lý thông tin, đánh giá thông tin và đưa ra các biện pháp hay ứng xử trước các tình huống quản trị một cách hợp lý nhất có thể (chứ không phải đúng nhất hay duy nhất).	2	1	0	3	6
5	Phân tích kinh doanh	Phân tích kinh doanh là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành. Môn học này cung cấp các kiến thức, công cụ và kỹ thuật cơ bản và cần thiết để tiến hành phân tích hệ thống kinh doanh của một doanh nghiệp. Từ đó, doanh nghiệp có thể thực hiện cải tiến quy trình kinh doanh và hệ thống thông tin kinh doanh của mình.	2	1	0	3	6

Học phần tự chọn (Sinh viên chọn 03 học phần thuộc 1 trong 2 nhóm định hướng; lưu ý: chọn hướng đúng với hướng lựa chọn ở kiến thức giáo dục đại cương)

6a	Bảo hiểm	Bảo hiểm là môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành, bao gồm 06 chương nhằm cung cấp những kiến thức chung nhất về bảo hiểm; nắm và xử lý thành thạo các tình huống có liên quan đến nghiệp vụ kinh doanh bảo hiểm như khai thác bảo hiểm, tính phí bảo hiểm, giải quyết quyền lợi bảo hiểm cho khách hàng trong những tình huống khác nhau; hiểu và trình bày được những nội dung cần thiết liên quan đến hợp đồng bảo hiểm; phân biệt rõ đặc trưng, nguyên tắc của hợp đồng bảo hiểm nhân thọ và hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ.	7/3	2/3	0	3	5,6
7a	Kinh doanh ngoại hối	Kinh doanh ngoại hối là môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Môn học sẽ cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu bao gồm: những vấn đề cơ bản về thị trường ngoại hối, các giao dịch cơ bản trên thị trường ngoại hối, thông lệ quốc tế và các văn bản pháp lý trong nước có liên quan; các kiến thức chuyên sâu, thực hành nghiệp vụ kinh doanh ngoại hối, và ứng dụng các giao dịch ngoại tệ trong bảo hiểm rủi ro tỷ giá.	1.5	1.5	0	3	5,6
8a	Kế toán ngân hàng	Môn học trang bị kiến thức cơ bản, nền tảng về các nghiệp vụ kế toán chủ yếu tại ngân hàng, giúp sinh viên có thể làm các công việc liên quan như kế toán tổng hợp ngân hàng, giao dịch viên ngân hàng, kiểm toán ngân hàng, kiểm soát nội bộ ngân hàng, kiểm toán nội bộ ngân hàng.	2	0.5	0.5	3	5,6
9a	Tài chính phái sinh và quản trị rủi ro	Khóa học này được thiết kế để giới thiệu sinh viên tài chính về các khía cạnh lý thuyết và thực tiễn của các sản phẩm phái sinh, như hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng hoán đổi và quyền chọn. Đồng thời, khóa học này giúp sinh viên biết cách vận dụng những kiến thức về các sản phẩm phái sinh đã học được để quản trị rủi ro tài chính cho các công ty hoặc cá nhân thông qua các chiến lược khác nhau. Quản trị rủi ro đóng một vai trò quan trọng trong ngành tài chính và là một phần không thể thiếu của ngành này. Khi các thị trường ngày càng phát	1.5	1.5	0	3	5,6

		triển và các công ty ngày càng tăng trưởng thì thách thức đối với việc quản trị rủi ro càng tăng lên. Vì vậy, các công cụ tài chính phái sinh đã được phát triển để quản trị các rủi ro này và trở thành một trong những công cụ quan trọng nhất của tài chính hiện đại, từ quan điểm học thuật lẫn thực tiễn. Khóa học này đòi hỏi sự vận dụng tương đối nhiều các phương pháp định lượng và suy luận lý thuyết. Vì vậy, một số sinh viên có thể gặp nhiều thử thách trong quá trình tham gia khóa học này. Tuy nhiên, sự nhấn mạnh trong khóa học không phải là về toán học và chứng minh các định lý mà là phát triển trực giác của người học, giúp người học hiểu được nguyên tắc vận hành của các công cụ quan trọng này và ứng dụng nó vào việc quản trị rủi ro.					
10a	Thẩm định giá tài sản	Thẩm định giá tài sản là môn học thuộc khối kiến thức ngành. Môn học nhằm cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu về thẩm định giá trị tài sản cho nhiều mục đích khác nhau. Môn học này cũng trang bị kỹ năng nghề nghiệp trong lĩnh vực tài chính và có thái độ nghiêm túc trong công việc. Môn học bao gồm các chương như sau: Chương 1 trình bày tổng quan về thẩm định giá trị tài sản để làm nền tảng cho người học tiếp tục học tập ở những chương tiếp theo, bao gồm định nghĩa thẩm định giá, các định nghĩa có liên quan, đối tượng và các mục đích thẩm định giá, cơ sở giá trị và các nguyên tắc thẩm định giá, các cách tiếp cận và quy trình thẩm định giá. Chương 2 giới thiệu về thẩm định giá trị các bất động sản bao gồm các yếu tố ảnh hưởng đến giá trị bất động sản và các cách tiếp cận để thẩm định giá trị bất động sản. Chương 3 giới thiệu về thẩm định giá trị máy móc thiết bị bao gồm các yếu tố ảnh hưởng đến giá trị máy móc thiết bị và các cách tiếp cận để thẩm định giá trị máy móc thiết bị. Chương 4 giới thiệu về thẩm định giá trị doanh nghiệp bao gồm các yếu tố ảnh hưởng đến giá trị doanh nghiệp và các cách tiếp cận để thẩm định giá trị doanh nghiệp.	2	1	0	3	5,6
11a	Marketing dịch vụ tài	Marketing dịch vụ tài chính là môn học thuộc khối kiến thức chuyên	2	1	0	3	5,6

	chính	ngành. Môn học sẽ cung cấp cho người học những kiến thức về hoạt động tiếp thị đặc thù trong các tổ chức cung cấp dịch vụ tài chính như : Ngân hàng, công ty bảo hiểm, công ty tài chính, công ty chứng khoán. Qua đó, người học có thể hiểu và vận dụng kiến thức để lập kế hoạch, xây dựng chiến lược Marketing và thực hiện các hoạt động tiếp thị cụ thể như phát triển sản phẩm dịch vụ tài chính, định giá, truyền thông quảng cáo... cho một tổ chức cung cấp dịch vụ tài chính.					
6b	Học máy	Học máy là môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Môn học nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về học máy, bao gồm các khái niệm, các thuật toán, kỹ thuật. Trên cơ sở đó, người học có khả năng áp dụng các thuật toán, các mô hình định lượng vào lĩnh vực tài chính và ngân hàng. Học viên cũng sẽ được thực hành trên bộ dữ liệu mẫu nhằm làm quen với việc giải các bài toán trong thực tiễn bằng các công cụ học máy.	1	1	1		5,6
7b	Chuỗi khối	Tiềm năng ứng dụng của tiền ảo (cryptocurrency) hay còn gọi là tiền mặt mã hoặc tiền điện tử như Bitcoin là rất lớn. Chuỗi khối (blockchain) là công nghệ cơ sở dữ liệu phi tập trung và phân tán, là nền tảng phía sau của tiền ảo. Ngoài tiền ảo, đây cũng là công nghệ có tiềm năng đột phá trong việc phát triển các ứng dụng cho phép giao dịch các tài sản ảo (hay tài sản số, tài sản mật mã). Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức căn bản về công nghệ chuỗi khối và các ứng dụng tiềm năng của nó trong các mảng dịch vụ tài chính, chính phủ, ngân hàng, quản lý hợp đồng và định danh, và nhiều ứng dụng tiềm năng khác.	1.5	1.5	0	3	5,6
8b	Trí tuệ nhân tạo trong giao dịch định lượng	Trí tuệ nhân tạo trong giao dịch định lượng là môn học thuộc khối kiến thức ngành/chuyên ngành. Môn học giúp cho người học có khả năng áp dụng các thuật toán, các mô hình định lượng; ứng dụng trí tuệ nhân tạo và học máy; các kỹ thuật phân tích dữ liệu vào trong lĩnh vực tài chính ngân hàng. Tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động giao dịch như chiến lược đầu tư, các sản phẩm tài chính – ngân hàng, xây dựng danh mục đầu tư, dữ liệu, hệ thống kiểm định đều được đặt	2	1	0	3	5,6

		trong bối cảnh là các giao dịch định lượng cụ thể. Môn học này là sự kết hợp giữa toán học, kỹ năng lập trình, trí tuệ nhân tạo và máy học để phát triển các thuật toán, áp dụng các mô hình định lượng trong hoạt động đầu tư, tài chính và hoạt động kinh doanh ngân hàng.					
9b	Core banking và ngân hàng điện tử	Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về các hệ thống core banking và ngân hàng điện tử, bao gồm các khái niệm chính, phạm vi ứng dụng, các mô hình hệ thống, và các chiến lược phát triển của các hệ thống core banking và ngân hàng điện tử. Ngoài ra, môn học còn giới thiệu cho sinh viên tất cả các phân hệ cơ bản trong một hệ thống core banking (v.d., khách hàng, tài khoản, tiền gửi, tiền vay, thanh toán, thanh toán quốc tế...). Bên cạnh đó, môn học cũng giúp cho người học được tiếp cận với các giải pháp core banking và ngân hàng điện tử phổ biến trong nước và trên thế giới. Ngoài ra, môn học cũng giúp sinh viên hình dung được các hệ thống tích hợp với hệ thống core banking (v.d., M-banking, ATM, CITAD, SWIFT...). Đặc biệt, môn học còn giúp cho sinh viên nắm bắt được về các dự án triển khai core banking và các hệ thống tích hợp với core banking.	2	1	0	3	5,6
10b	Thương mại điện tử	Môn học cung cấp những kiến thức về thương mại điện tử bao gồm mô hình kinh doanh, cơ sở hạ tầng kỹ thuật, các phương thức tiếp thị điện tử, thanh toán điện tử và bảo mật, môi trường pháp lý, xã hội và đạo đức trong thương mại điện tử.	2	2/3	1/3	3	5,6
11b	Khoa học dữ liệu cho tài chính	Môn học trang bị trang bị cho sinh viên các kiến thức về khoa học dữ liệu ứng dụng trong tài chính sử dụng ngôn ngữ lập trình Python và các công cụ trong hệ sinh thái ứng dụng khoa học dữ liệu vào lĩnh vực tài chính. Cụ thể, các sinh viên sẽ được học lý thuyết và thực hành các công cụ về xử lý, thống kê và trực quan hoá dữ liệu như Matplotlib, Numpy, Numba, Pandas, SciPy, Scikit-Learn, StatsModels, và nhiều công cụ hiện đại khác được cập nhật liên tục theo sự phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học dữ liệu. Sinh viên cũng được học và thực hành với các giải thuật học máy cơ bản, bao gồm các kiến thức và giải thuật học có giám	5/3	1/3	1	3	5,6

		sát, học không có giám sát ứng dụng vào phân loại, thu giảm chiều và gom cụm dữ liệu. Hơn nữa, các kỹ thuật tinh chỉnh tham số và các độ đo hiệu quả của các giải thuật học cũng được giới thiệu cho sinh viên. Học xong môn học này, sinh viên có thể vận dụng các kiến thức khoa học dữ liệu và học máy cơ bản vào phân tích dữ liệu tài chính thuộc nhiều mảng tài chính – ngân hàng khác nhau, ví dụ như FinTech, quản lý tài sản, tài chính doanh nghiệp, . . . và sử dụng kiến thức đã học cho các môn học tiếp theo trong chương trình đào tạo.					
2.3. Kiến thức chuyên ngành							
1	Tín dụng ngân hàng	Tín dụng ngân hàng là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Môn học cung cấp những kiến thức nền tảng, hiện đại về tín dụng ngân hàng theo chuẩn mực quốc tế và Việt Nam, giúp người học có khả năng ứng dụng các kỹ thuật trong quá trình cấp tín dụng, đồng thời có khả năng đề xuất cải tiến thay đổi các chính sách, cơ chế liên quan đến hoạt động tín dụng ngân hàng trong bối cảnh hội nhập quốc tế và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.	2	1	0	3	7
2	Thanh toán quốc tế	Thanh toán quốc tế là môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Tài chính Ngân hàng. Môn học đi sâu vào những nội dung: tổng quan về hoạt động thanh toán quốc tế; kiến thức thương mại quốc tế liên quan phục vụ cho hoạt động thanh toán quốc tế như Incoterms, hợp đồng ngoại thương, chứng từ tài chính và chứng từ thương mại; kiến thức về các phương thức thanh toán quốc tế bao gồm chuyển tiền (trả trước, trả sau, CAD), nhờ thu và tín dụng chứng từ; kiến thức về các công cụ thanh toán hiện đại hỗ trợ cho thanh toán quốc tế.	2	1	0	3	6
3	Nghiệp vụ ngân hàng đầu tư	Môn học bao gồm 6 chương trình bày những vấn đề cơ bản về ngân hàng đầu tư, cách thức tổ chức hoạt động đồng thời mô tả các nghiệp vụ kinh doanh chính của ngân hàng đầu tư như nghiệp vụ tư vấn mua bán sáp nhập doanh nghiệp, nghiệp vụ hỗ trợ huy động vốn, nghiệp vụ đầu tư, nghiên cứu, quản lý đầu tư, ngân hàng	2	1/3	2/3	3	7

		bán buôn và nghiệp vụ nhà môi giới chính.					
4	Quản lý danh mục đầu tư	Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản đến chuyên sâu, những công cụ quan trọng và phương pháp tư duy cho hoạt động quản lý tài sản chuyên nghiệp phục vụ trong hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, quản lý tài chính cá nhân. Sinh viên được tiếp cận nền tảng các lý thuyết danh mục đầu tư hiện đại và kỹ năng thực hành về việc xây dựng, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, ra quyết định trong đầu tư tài chính cũng như tư vấn danh mục đầu tư theo yêu cầu của khách hàng, làm cơ sở. Bên cạnh đó, các bài thực hành trên bộ dữ liệu thực tế được cấu trúc đi kèm bài giảng nhằm trang bị những kỹ năng cần thiết và hữu ích cho những sinh viên có định hướng nghề nghiệp liên quan đến lĩnh vực đầu tư tài chính như nhà đầu tư, nhà tư vấn đầu tư chuyên nghiệp, nhà phân tích chứng khoán, nhà quản lý tài sản chuyên nghiệp ... Đây là môn học được giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh trong chương trình đào tạo ngành Tài chính – Ngân hàng Chất lượng cao tại trường đại học Ngân hàng TP.HCM.	9/5	6/5	0	3	7
5	Đầu tư tài chính	Môn học gồm 4 chương, trang bị cho học viên hệ thống kiến thức lý luận cơ bản và nâng cao về các công cụ đầu tư, phân tích ngành, phân tích công ty cổ phần, định giá doanh nghiệp và cổ phiếu, phân tích và định giá trái phiếu, và phân tích kỹ thuật. Từ đó, học viên có thể vận dụng trong hoạt động đầu tư tại bộ phận tự doanh của công ty chứng khoán hoặc bộ phận đầu tư của quỹ đầu tư hoặc các doanh nghiệp khác. Ngoài ra, còn phục vụ cho việc tự đầu tư hoặc tư vấn đầu tư.	2	1/3	2/3	3	7
6	Thực tập tốt nghiệp	Thực tập tốt nghiệp là học phần hướng dẫn sinh viên tham quan, khảo sát, nghiên cứu, thực hành các hoạt động kinh doanh thực tiễn liên quan đến lĩnh vực tài chính ngân hàng tại các công ty, ngân hàng thương mại, định chế tài chính phi ngân hàng, các tổ chức quản lý hoạt động tài chính- tiền tệ của chính phủ v.v... Qua thực tập, sinh viên sẽ ứng dụng các kiến thức đã học vào môi trường, vào hoạt động kinh doanh cụ thể để hiểu rõ hơn lý	0	0	3	3	8

		thuyết, giúp sinh viên bổ sung các kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp cần thiết cho tương lai và đóng góp các ý kiến cho nơi thực tập.					
7	Khoá luận tốt nghiệp	Khoá luận tốt nghiệp là một sản phẩm khoa học, phản ánh kết quả nghiên cứu của sinh viên về lĩnh vực Tài chính-Ngân hàng. Trên cơ sở định hướng và chỉ dẫn của người hướng dẫn khoa học, sinh viên sẽ ứng dụng kiến thức ngành Tài chính-Ngân hàng nói chung, chuyên ngành Tài chính nói riêng và phương pháp nghiên cứu khoa học để nghiên cứu một vấn đề thực tiễn, góp phần hoàn thiện vấn đề phát sinh trong thực tiễn.	0	0	9	9	8
3. Học phần giáo dục thể chất và quốc phòng							
1	Học phần Giáo dục thể chất 1	Truyền đạt cho SV những kiến thức cơ bản của môn điền kinh, phát triển thể chất và nâng cao những tố chất vận động, bồi dưỡng phẩm chất đạo đức, tăng cường ý thức tự rèn luyện. Nội dung bao gồm: Một số khái niệm cơ bản về giáo dục thể chất trong các trường ĐH, hệ thống thể thao Việt Nam; Chấn thương thể thao và các biện pháp phòng ngừa; Kỹ thuật chạy cự ly ngắn; Kỹ thuật chạy cự ly trung bình và dài. Kết hợp các nội dung lý thuyết và thực hành.				1	1
2	Học phần Giáo dục thể chất 2	Truyền đạt cho SV những kiến thức cơ bản của môn điền kinh, phát triển thể chất và nâng cao những tố chất vận động, bồi dưỡng phẩm chất đạo đức, tăng cường ý thức tự rèn luyện. Nội dung bao gồm: Kỹ thuật đẩy tạ; Kỹ thuật nhảy xa; Giới thiệu về Olympic quốc tế và Olympic VN. Kết hợp các nội dung lý thuyết và thực hành.				1	2
3	Học phần Giáo dục thể chất 3,4,5	Sinh viên được quyền lựa chọn 1 trong các môn thể thao như: Tennis, bóng bàn, cầu lông... Môn học này cung cấp những nội dung kiến thức cơ bản của Tennis, hoặc bóng bàn, hoặc cầu lông... lịch sử hình thành và phát triển, đặc điểm tác dụng của việc tập luyện thi đấu. Các kỹ thuật, chiến thuật, luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài; giúp sinh viên phát triển tố chất thể lực sức nhanh, mạnh, bền, năng lực phối hợp vận động, đặc biệt là sức mạnh bật phát; rèn luyện ý thức tự giác tích cực, đảm bảo tính kỷ luật trong học tập và rèn luyện tinh thần đoàn kết. Sinh viên tham gia tập luyện thường				3	3,4,5

		xuyên ngoài việc duy trì sức khỏe còn chọn ra những sinh viên ưu tú bổ sung cho đội tuyển của nhà trường.					
4	Giáo dục quốc phòng an ninh	Học phần Giáo dục quốc phòng an ninh được tổ chức giảng dạy và cấp chứng chỉ theo chương trình riêng.				8	1
4. Học phần chương trình đào tạo tăng cường							
4.1 Tiếng anh tăng cường							
1	Tiếng Anh tăng cường 1	IE1 là môn học đầu tiên trong chương trình tiếng Anh tăng cường gồm 9 môn học được thiết kế nhằm giúp sinh viên cải thiện vốn kiến thức tiếng Anh để có thể áp dụng vào thực hành. Môn học còn cung cấp đa dạng từ vựng và những cấu trúc ngữ pháp hoàn chỉnh sử dụng trong các ngữ cảnh giao tiếp. Sinh viên có sẽ sử dụng các kỹ năng nghe – nói – đọc – viết ở mức độ sơ cấp (A2) theo khung CEFR.				4	1
2	Tiếng Anh tăng cường 2	IE2 là môn học thứ 2 trong chương trình tiếng Anh tăng cường gồm 9 môn học được thiết kế nhằm giúp sinh viên thực hành vốn kiến thức tiếng Anh và tích lũy thêm từ vựng. Nhằm hỗ trợ sinh viên phát triển bốn (04) kỹ năng giao tiếp, môn học còn cung cấp lượng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp và ngữ cảnh giao tiếp để sinh viên thực hành. Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên được mong đợi có thể đạt được khả năng giao tiếp tiếng Anh ở cấp độ tiền B1 theo khung CEFR.				4	2
3	Tiếng Anh tăng cường 3	Tiếp theo hai môn IE1 và IE2, môn IE3 được thiết kế để nhằm giúp sinh viên vận dụng vốn từ vựng được tích lũy để xây dựng từ đồng nghĩa, trái nghĩa, từ cùng gia đình. Một số hình thức văn bản viết cơ bản trong thương mại được cung cấp cho sinh viên và các bài tập thực hành tương ứng để tạo cho sinh viên cơ hội luyện kỹ năng viết các văn bản trong lĩnh vực thương mại. Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể đạt được khả năng giao tiếp tiếng Anh ở mức trên B1 (mid-B1) (CEFR).				4	2
4	Tiếng Anh tăng cường 4	IE4 giúp sinh viên tăng lượng từ vựng về các chủ đề như kể chuyện, tình bạn, du lịch, chi tiêu, nguồn cảm hứng để ứng dụng vào các tình huống đàm thoại hoặc độc thoại. Các cấu trúc ngữ pháp được giới thiệu và thực hành trong các tình huống khác nhau.				4	3

		Sinh viên được giới thiệu các loại văn bản trang trọng (formal) dùng trong tình huống thương mại và bài tập thực hành yêu cầu sinh viên hoàn tất. Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên được mong đợi sẽ có thể đạt được khả năng giao tiếp tiếng Anh ở mức B1 (CEFR).					
5	Tiếng Anh tăng cường 5	IE 5 là môn học đầu tiên trong chuỗi 5 môn học nhằm mục tiêu trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng và chiến thuật để làm bài thi IELTS học thuật (IELTS Academic). Sinh viên cần hoàn tất 4 môn học IE 1→4 trước khi vào học môn học này. Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể đạt được khả năng giao tiếp tiếng Anh ở mức điểm 4.5 cho bài thi IELTS học thuật.				4	4
6	Tiếng Anh tăng cường 6	IE6 là môn học thứ hai trong chuỗi 5 môn học nhằm mục tiêu giúp sinh viên chuẩn bị cho kì thi IELTS học thuật sau khi đã hoàn tất 4 khóa tiếng Anh tăng cường làm nền tảng trước đó. Trong suốt khóa học này, sinh viên tiếp tục được bổ trợ từ vựng, ôn ngữ pháp, cải thiện phát âm và học thêm một số chiến lược làm bài thi IELTS học thuật (IELTS academic). Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên sẽ có thể đạt được năng lực tiếng Anh tương đương mức điểm 5.0 cho bài thi IELTS học thuật.				4	4
7	Tiếng Anh tăng cường 7	IE7 là môn học thứ ba trong chuỗi 5 môn học nhằm mục tiêu giúp sinh viên chuẩn bị cho kì thi IELTS học thuật sau khi đã hoàn tất 4 môn tiếng Anh tăng cường làm nền tảng trước đó. Trong suốt môn học này, sinh viên tiếp tục được bổ trợ từ vựng, ôn ngữ pháp, cải thiện phát âm và học thêm một số chiến lược làm bài. Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên sẽ có thể đạt được năng lực tiếng Anh tương đương mức điểm 5.5 cho bài thi IELTS học thuật.				4	5
8	Tiếng Anh tăng cường 8	IE8 là môn học thứ tư trong chuỗi 5 môn học nhằm mục tiêu giúp sinh viên chuẩn bị cho kì thi IELTS học thuật sau khi đã hoàn tất 4 môn tiếng Anh tăng cường làm nền tảng trước đó. Trong thời gian học môn học này, sinh viên tiếp tục được bổ trợ từ vựng, ôn ngữ pháp, cải thiện phát âm và học thêm một số chiến lược làm bài cho cả 4 kĩ năng Nghe, Nói, Đọc và Viết. Sau khi hoàn tất môn học,				4	6

		sinh viên sẽ có thể đạt được năng lực tiếng Anh tương đương mức điểm 6.0 cho bài thi IELTS học thuật.					
9	Tiếng Anh tăng cường 9	IE9 là môn học cuối cùng trong chuỗi 5 môn luyện thi IELTS nhằm mục tiêu trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng và chiến thuật để làm bài thi IELTS học thuật. Với vị thế đó, môn học còn nhằm tạo cơ hội cho sinh viên tăng cường luyện tập để ngày một nâng cao năng lực Anh ngữ của bản thân cũng như đạt được số điểm IELTS mong muốn khi ra trường. Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên sẽ có thể đạt được năng lực tiếng Anh tương đương mức điểm 6.5 cho bài thi IELTS học thuật.				4	7

Lưu ý: Các học phần Tiếng Anh tăng cường từ 1 đến 7 là bắt buộc, các học phần tiếng Anh tăng cường 8 và 9 là tự chọn theo nguyện vọng của sinh viên.

Bắt đầu mỗi khóa học và mỗi năm học, Trường sẽ tổ chức kiểm tra trình độ tiếng Anh đầu vào của sinh viên. Căn cứ vào kết quả kiểm tra hoặc các chứng chỉ tiếng Anh của sinh viên, Trường sẽ xác định các học phần tiếng Anh tăng cường sinh viên được miễn và các học phần tiếng Anh tăng cường sinh viên phải học.

4.2 Kỹ năng mềm

1	Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình	Môn học Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình trang bị và rèn luyện cho tân sinh viên kỹ năng tự tin, giao tiếp chuyên nghiệp ở môi trường Đại học, nơi công sở và cuộc sống. Hiểu được kiến thức tổng quan về nghệ thuật thuyết trình và nói trước công chúng, nhận thức được vai trò của kỹ năng thuyết trình đối với quá trình học tập tại trường cũng như trong sự nghiệp và cuộc sống trong tương lai. Qua môn học, sinh viên sẽ có thể tiến hành các bước chuẩn bị cho buổi thuyết trình cả về nội dung, hình thức và các phương tiện hỗ trợ; tiến hành thuyết trình một cách hiệu quả; kết hợp sử dụng ngôn ngữ, giọng nói và ngôn ngữ cơ thể một cách nhuần nhuyễn; có kỹ năng trả lời câu hỏi và xử lý các tình huống phát sinh trong thuyết trình. Mục tiêu chính của môn học là giúp sinh viên hiểu được các phương pháp và rèn luyện các kỹ năng cơ bản, nhận thức được các điểm mạnh và điểm yếu của bản thân từ đó tiếp tục phát triển và hoàn thiện kỹ năng thuyết trình để sử dụng trong học tập, công việc và cuộc sống. Thông qua giao tiếp, sinh viên dễ hòa nhập hơn với môi trường học tập, làm việc, phát huy hết những khả năng của mình thông qua công cụ giao tiếp, xử lý khéo các tình huống trong giao tiếp.				2	1
---	-----------------------------------	---	--	--	--	---	---

2	Kỹ năng lãnh đạo và làm việc nhóm	Môn học Kỹ năng lãnh đạo và làm việc nhóm trang bị và rèn luyện cho tân sinh viên kỹ năng phối hợp và tương tác trong nhóm và kỹ năng lãnh đạo, điều phối công việc, giúp sinh viên vững vàng và có thái độ tích cực trong hoạt động nhóm không chỉ ở môi trường Đại học mà còn ở công sở và cuộc sống. Sinh viên cũng nắm bắt được các kiến thức tổng quan về quá trình hình thành, phát triển và củng cố nhóm, cũng như các kiến thức cơ bản về lãnh đạo như khái niệm, vai trò và tổ chức cần thiết của người lãnh đạo. Qua môn học, sinh viên có thể chuẩn bị thái độ và tư tưởng tích cực với những kỹ năng mềm cần thiết để tham gia hòa nhập với môi trường học tập, làm việc, phát huy tốt nhất những khả năng của mình và xử lý tốt các tình huống tương tác nhóm và lãnh đạo hoạt động nhóm.				2	2
3	Kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề	Kỹ năng phân tích và xử lý vấn đề là môn học bắt buộc thuộc khối kỹ năng bổ trợ đối với hệ đại học – Chương trình đào tạo chất lượng cao. Môn học cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng cơ bản trong phân tích và xử lý các vấn đề; qua đó giúp sinh viên vận dụng được những kỹ năng này vào quá trình học tập – nghiên cứu và xử lý công việc.				2	3
4	Kỹ năng viết CV và phỏng vấn xin việc	Môn học Kỹ năng viết CV và phỏng vấn xin việc cung cấp cho các bạn kỹ năng để tạo một CV ấn tượng, nổi bật khi ứng tuyển. Bên cạnh đó môn học còn trang bị cho sinh viên kỹ năng phỏng vấn trước nhà tuyển dụng, các bí quyết vượt qua những trở ngại trong quá trình phỏng vấn, và chinh phục nhà tuyển dụng thành công.				2	6

11. Kế hoạch đào tạo

Các học phần Giáo dục thể chất được bố trí từ học kỳ 1 đến học kỳ 5.

Học phần Giáo dục Quốc phòng và An ninh được bố trí trong năm thứ nhất (hoặc các năm tiếp theo trong thời gian đào tạo, tùy điều kiện thực tiễn tổ chức đào tạo học phần này).

Các khối kiến thức giáo dục đại cương và chuyên nghiệp của chương trình đào tạo được bố trí trong các học kỳ như trình bày dưới đây.

11.1. Học kỳ 1

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học phần trước/song hành	Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
1	MLM306	Triết học Mác – Lênin	3	Không	BB	Tiếng Việt
2	AMA301	Toán cao cấp 1	2	Không	BB	Tiếng Việt
3	MES302	Kinh tế học vi mô	3	Không	BB	Tiếng Anh
4	BAF312	Giới thiệu ngành TC - NH	2	Không	BB	Tiếng Việt
5	MKE308	Nguyên lý Marketing	3	Không	BB	Tiếng Việt
6	LAW349	Pháp luật đại cương	2	Không	BB	Tiếng Việt
TỔNG SỐ TÍN CHỈ			15			
7		Anh văn tăng cường 1	4		Tăng cường	Tiếng Anh
8		Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình	2		Tăng cường	Tiếng Việt

11.2. Học kỳ 2

STT	Mã học phần	Tên học phần (tên tiếng Anh)	Số tín chỉ	Học phần trước/song hành	Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
1	MLM307	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	2	Triết học Mác – Lênin	BB	Tiếng Việt
2	MLM308	Chủ nghĩa Xã hội Khoa học	2	Triết học Mác – Lênin	BB	Tiếng Việt
3	AMA302	Toán cao cấp 2	2	Không	BB	Tiếng Việt
4	AMA303	Lý thuyết xác suất và thống kê	3	Toán cao cấp 2	BB	Tiếng Việt
5	MES303	Kinh tế học vĩ mô	3	Không	BB	Tiếng Anh
6	MAG322	Quản trị học	3	Không	BB	Tiếng Việt
7	LAW304	Luật kinh doanh	3	Pháp luật đại cương	BB	Tiếng Việt
8	SOC303	Tâm lý học	2	Không	TC	Tiếng Việt
8	ITS723	Logic ứng dụng trong kinh doanh	2	Không	TC	Tiếng Việt
TỔNG SỐ TÍN CHỈ			20			
9		Anh văn tăng	4		Tăng	Tiếng Anh

		cường 2			cường	
10		Anh văn tăng cường 3	4		Tăng cường	Tiếng Anh
11		Kỹ năng lãnh đạo và làm việc nhóm	2		Tăng cường	Tiếng Việt

11.3. Học kỳ 3

STT	Mã học phần	Tên học phần (tên tiếng Anh)	Số tín chỉ	Học phần trước/song hành	Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
1	MLM303	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Triết học Mác – Lênin	BB	Tiếng Việt
2	MLM309	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	3	Triết học Mác – Lênin	BB	Tiếng Việt
3	ECE301	Kinh tế lượng	3	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	BB	Tiếng Anh
4	ACC301	Nguyên lý kế toán	3	Không	BB	Tiếng Việt
5	FIN301	Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ	3	Kinh tế học vĩ mô	BB	Tiếng Việt
6a	INE302	Kinh tế học quốc tế	3	Kinh tế học vĩ mô	TC	Tiếng Việt
6b	ITS318	Cơ sở lập trình	3	Logic ứng dụng trong kinh doanh	TC	Tiếng Việt
TỔNG SỐ TÍN CHỈ			16			
7		Anh văn tăng cường 4	4		Tăng cường	Tiếng Anh
8		Kĩ năng phân tích và giải quyết vấn đề	2		Tăng cường	Tiếng Việt

11.4. Học kỳ 4

STT	Mã học phần	Tên học phần (tên tiếng Anh)	Số tín chỉ	Học phần trước/song hành	Bắt buộc (BB)/Tự chọn	Ngôn ngữ giảng dạy
-----	----------------	---------------------------------	------------------	--------------------------------	-----------------------------	-----------------------

					(TC)	
1	ENP704	Tiếng Anh chuyên ngành TCNH	3	IELTS 4.5 hoặc bậc 3 trở lên theo khung năng lực 6 bậc hoặc đạt điểm theo quy định của kỳ kiểm tra năng lực tiếng Anh giữa khóa	BB	Tiếng Anh
2	INE704	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	Không	BB	Tiếng Việt
3	ITS301	Tin học ứng dụng	3	Chứng chỉ tin học căn bản hoặc Chứng chỉ IC3 hoặc Đạt kỳ thi Tin học đầu vào	BB	Tiếng Việt
4	FIN303	Tài chính doanh nghiệp	3	Nguyên lý kế toán	BB	Tiếng Anh
5a	FIN302	Thị trường TC & các định chế TC	3	Lý thuyết tài chính – tiền tệ	TC	Tiếng Anh
6a	INE307	Tài chính quốc tế	3	Không	TC	Tiếng Việt
5b	ITS724	Giải thuật ứng dụng trong kinh doanh	3	Không	TC	Tiếng Việt
6b	DAT708	Lập trình Python cho phân tích dữ liệu	3	Không	TC	Tiếng Việt
TỔNG SỐ TÍN CHỈ			18			
7		Anh văn tăng cường 5	4		Tăng cường	Tiếng Anh
8		Anh văn tăng cường 6	4		Tăng cường	Tiếng Anh

11.5. Học kỳ 5

STT	Mã học phần	Tên học phần (tên tiếng Anh)	Số tín	Học phần trước/song	Bắt buộc (BB)/Tự	Ngôn ngữ giảng dạy
-----	-------------	---------------------------------	--------	---------------------	------------------	--------------------

			chỉ	hành	chọn (TC)	
1	BAF301	Hoạt động kinh doanh ngân hàng	3	Lý thuyết tài chính – tiền tệ	BB	Tiếng Anh
2	ACC705	Kế toán tài chính	3	Nguyên lý kế toán	BB	Tiếng Việt
3	FIN304	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	Tài chính doanh nghiệp	BB	Tiếng Việt
4a	FIN312 BAF302 ACC306 FIN701 BAF306 MKE304	Chọn 2 trong 6 học phần: - Bảo hiểm - Kinh doanh ngoại hối (giảng tiếng anh) - Kế toán ngân hàng - Tài chính phái sinh và quản trị rủi ro (giảng tiếng anh) - Thẩm định giá tài sản - Marketing dịch vụ tài chính (giảng tiếng anh)	6		TC	
4b	DAT704 DAT701 BAF709 ITS315 ITB303 DAT706	Chọn 2 trong 6 học phần: - Học máy - Chuỗi khối - Trí tuệ nhân tạo trong giao dịch định lượng - Corebanking và ngân hàng điện tử - Thương mại điện tử - Khoa học dữ liệu cho tài chính	6		TC	
TỔNG SỐ TÍN CHỈ			15			
5		Anh văn tăng cường 7	4		Tăng cường	Tiếng Anh

11.6. Học kỳ 6

STT	Mã học phần	Tên học phần (tên tiếng Anh)	Số tín chỉ	Học phần trước/song hành	Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
1	BAF311	Thẩm định dự án đầu tư	3	Lý thuyết tài chính – tiền tệ	BB	Tiếng Anh (Từ khóa 10)
2	BAF307	Thanh toán quốc tế	3	Lý thuyết tài chính – tiền tệ	BB	Tiếng Anh
3	MAG310	Quản trị ngân hàng thương mại	3	Hoạt động kinh doanh ngân hàng	BB	Tiếng Anh
4	ITS711	Phân tích kinh doanh	3	Quản trị học	BB	Tiếng Việt
5a	FIN312 BAF302 ACC306 FIN701 BAF306 MKE304	Chọn 1 trong 6 học phần: - Bảo hiểm - Kinh doanh ngoại hối (giảng tiếng anh) - Kế toán ngân hàng - Tài chính phái sinh và quản trị rủi ro (giảng tiếng anh) - Thẩm định giá tài sản - Marketing dịch vụ tài chính (giảng tiếng anh)	3		TC	
5b	DAT704 DAT701 BAF709 ITS315 ITB303 DAT706	Chọn 1 trong 6 học phần: - Học máy - Chuỗi khối - Trí tuệ nhân tạo trong giao dịch định lượng - Corebanking và	3		TC	

		ngân hàng điện tử - Thương mại điện tử - Khoa học dữ liệu cho tài chính				
TỔNG SỐ TÍN CHỈ			15			
6		Anh văn tăng cường 8	4		Tăng cường	Tiếng Anh
7		Kỹ năng viết CV & phỏng vấn xin việc	2		Tăng cường	Tiếng Việt

11.7. Học kỳ 7

STT	Mã học phần	Tên học phần (tên tiếng Anh)	Số tín chỉ	Học phần trước/song hành	Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
1	BAF308	Tín dụng ngân hàng	3	Hoạt động kinh doanh ngân hàng	BB	Tiếng Anh (từ khóa 10)
2	FIN309	Đầu tư tài chính	3	Tài chính doanh nghiệp	BB	Tiếng Anh
3	FIN310	Nghiệp vụ ngân hàng đầu tư	3	Lý thuyết tài chính – tiền tệ	BB	Tiếng Việt
4	FIN308	Quản lý danh mục đầu tư	3	Tài chính doanh nghiệp	BB	Tiếng Anh
TỔNG SỐ TÍN CHỈ			12			
5		Anh văn tăng cường 9	4		Tăng cường	Tiếng Anh

11.8. Học kỳ 8

STT	Mã học phần	Tên học phần (tên tiếng Anh)	Số tín chỉ	Học phần trước/song hành	Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
1	BAF712	Thực tập cuối khóa	3	Theo Quy chế đào tạo	BB	Tiếng Việt
2	BAF711	Khoá luận tốt nghiệp	9	Theo Quy chế đào tạo	BB	Tiếng Việt/Anh
TỔNG SỐ TÍN CHỈ			12			

12. Hướng dẫn thực hiện

12.1. Các học phần tự chọn: Sinh viên chọn các môn tự chọn theo 2 định hướng đào tạo. Khi đã chọn môn học tự chọn theo định hướng đào tạo nào thì các môn tự chọn tiếp theo cũng phải chọn theo cùng định hướng đó. Các môn tự chọn chia theo định hướng đào tạo bao gồm:

	Định hướng 1	Định hướng 2 (Financial Technology)
Các môn tự chọn đại cương (Sinh viên chọn 01 môn học)	Tâm lý học	Logic ứng dụng trong kinh doanh
Các môn cơ sở ngành	Kinh tế quốc tế	Cơ sở lập trình
	Thị trường tài chính và định chế tài chính	Giải thuật ứng dụng trong kinh doanh
	Tài chính quốc tế	Lập trình Python cho phân tích dữ liệu
Các môn Ngành (sinh viên chọn 3 trong số các môn học)	Bảo hiểm	Học máy
	Kinh doanh ngoại hối	Chuỗi khối (Blockchain)
	Kế toán ngân hàng	Trí tuệ nhân tạo trong giao dịch định lượng
	Tài chính phái sinh và quản trị rủi ro	Core banking và ngân hàng điện tử
	Thẩm định giá tài sản	Thương mại điện tử
	Marketing dịch vụ tài chính	Khoa học dữ liệu cho tài chính

12.2. Khối kiến thức giáo dục đại cương gồm: Các môn lý luận chính trị, Các môn khoa học cơ bản được xây dựng tương tự như chương trình đại học chính quy; thông qua phương pháp giảng dạy và điều kiện giảng dạy giúp sinh viên tăng cường rèn luyện kỹ năng phân tích, đánh giá; kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình...

12.3. Khối kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành, kiến thức chuyên ngành: được phát triển dựa trên nền tảng của chương trình đại học chính quy, đồng thời được tham khảo các chương trình đào tạo nước ngoài, được xây dựng theo hướng tích hợp để tạo điều kiện cho sinh viên có thể học liên thông, hoặc chuyển tiếp sang các chương trình

đào tạo nước ngoài. Các học phần thuộc khối kiến thức ngành, chuyên ngành được lồng ghép nội dung thực hành, thực tập, nghiên cứu thực tế trong quá trình tổ chức giảng dạy môn học hoặc sau khi kết thúc môn học.

12.4. Các học phần Giáo dục Quốc phòng được thực hiện tương tự như chương trình đại học chính quy ngoại trừ quy định về sĩ số lớp, là điều kiện để xét công nhận tốt nghiệp, không được sử dụng để tính điểm trung bình chung tích lũy.

12.5. Các học phần Giáo dục thể chất 1, Giáo dục thể chất 2 được thực hiện tương tự như chương trình đại học chính quy ngoại trừ quy định về sĩ số lớp. Các học phần Giáo dục thể chất 3,4,5 sinh viên có thể lựa chọn một trong các môn như Tennis, bóng bàn, cầu lông Đây là các học phần điều kiện để xét công nhận tốt nghiệp, không sử dụng để tính điểm trung bình tích lũy.

12.6. Tổ chức đào tạo: Lớp học phần được tổ chức khi đăng ký môn học, có sĩ số tối đa là 40 sinh viên và tối thiểu là 20 sinh viên, ngoại trừ những trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định. Thực hiện theo học chế tín chỉ, sử dụng triệt để phương pháp giảng dạy mới theo hướng phát huy năng lực cá nhân của sinh viên, tăng cường rèn luyện kỹ năng mềm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng sử dụng các trang thiết bị hiện đại và các phần mềm chuyên dụng để giải quyết các nội dung chuyên môn.

12.7. Các học phần được giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh và các học phần sử dụng giáo trình, tài liệu tiếng Anh

- Các học phần cụ thể bao gồm:
 - Các môn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành (5 môn): Kinh tế học vi mô, kinh tế học vĩ mô, kinh tế lượng, tài chính doanh nghiệp, thị trường tài chính và các định chế tài chính.
 - Các môn thuộc kiến thức ngành (5 môn): Hoạt động kinh doanh ngân hàng, quản trị ngân hàng thương mại, kinh doanh ngoại hối, tài chính phái sinh và quản trị rủi ro, marketing dịch vụ tài chính.

- Các môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành (3 môn): Thanh toán quốc tế, quản lý danh mục đầu tư, đầu tư tài chính, tín dụng ngân hàng, thẩm định dự án đầu tư.

Lưu ý: 13 môn học giảng dạy bằng tiếng anh được liệt kê ở trên sẽ được triển khai bắt đầu từ khóa 8; Hai môn học: Tín dụng ngân hàng và Thẩm định dự án đầu tư sẽ được giảng dạy bằng tiếng anh bắt đầu từ khóa 10 trong chương trình CLC Tài chính – Ngân hàng.

- Điều kiện để học các học phần giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh là sinh viên đã đạt chứng chỉ IELTS 4.5 hoặc các chứng chỉ khác tương đương hoặc đạt yêu cầu trong kỳ thi kiểm tra trình độ tiếng Anh do Trường tổ chức.
- Ngoài ra còn có một số học phần sử dụng giáo trình, tài liệu tiếng Anh trong quá trình giảng dạy, học tập được quy định cụ thể tại đề cương các học phần.

12.8. Chương trình đào tạo tiếng Anh tăng cường: Được thiết kế bao gồm 9 cấp độ với 18 học phần tương đương với các nhóm kỹ năng Nghe – nói; đọc - viết. Cấp độ 1 đến cấp độ 7 là bắt buộc được giảng dạy trong 5 học kỳ đầu giúp sinh viên đạt trình độ tương đương IELTS 5.5. Cấp độ 8 đến cấp độ 9 là tự chọn được đào tạo trong các học kỳ cuối giúp sinh viên có thể đạt trình độ IELTS 6.5. Sinh viên phải tham dự kỳ kiểm tra tiếng Anh đầu khoá để xác định các học phần được miễn và các học phần phải học bắt buộc. Các học phần tiếng Anh tăng cường sinh viên phải học bắt buộc là điều kiện để xét công nhận tốt nghiệp, không được sử dụng để tính điểm trung bình chung tích lũy. Nhà trường có quy định cụ thể về chương trình đào tạo tiếng Anh tăng cường và số tiết tiếng Anh tăng cường tối đa sinh viên được học miễn phí.

12.9. Chuẩn tin học

- **Điều kiện để học học phần Tin học ứng dụng:** sinh viên đạt một trong các điều kiện sau đây:

- (a) Sinh viên đạt yêu cầu trong kỳ kiểm tra trình độ Tin học đầu khóa do Trường tổ chức;
- (b) Sinh viên có Chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản do Trường cấp;
- (c) Sinh viên có các chứng chỉ khác tương đương theo thông báo của Trường.

Sinh viên thực hiện nộp các chứng chỉ để chứng minh trình độ tin học theo thông báo của Trường.

- **Chuẩn Tin học đầu ra:** sinh viên đạt một trong các điều kiện sau đây:

- (a) Sinh viên có Chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao do Trường cấp;
- (b) Sinh viên có các chứng chỉ khác tương đương theo thông báo của Trường.

Sinh viên thực hiện nộp các chứng chỉ để chứng minh trình độ tin học theo thông báo của Trường.

12.10. Chuẩn tiếng Anh

- Chương trình tiếng Anh tăng cường được thực hiện theo quy định về tổ chức giảng dạy tiếng Anh tăng cường dành cho sinh viên hệ đại học chính quy chương trình chất lượng cao tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh.

- Điều kiện để học học phần tiếng Anh chuyên ngành: Sinh viên phải được chứng nhận đạt trình độ tiếng Anh tối thiểu tương ứng cấp độ 3/6 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, hoặc có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương theo danh mục Trường thông báo. Sinh viên thực hiện nộp các chứng chỉ chứng minh trình độ ngoại ngữ theo thông báo của Trường.

- Chuẩn tiếng Anh đầu ra: Sinh viên phải đạt chuẩn đầu ra trình độ tiếng Anh tối thiểu ở bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, hoặc có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương theo danh mục Trường thông báo; sinh viên thực hiện nộp các chứng chỉ chứng minh trình độ ngoại ngữ theo thông báo của Trường.

12.11. Chương trình đào tạo kỹ năng mềm: Sinh viên phải hoàn thành chương trình đào tạo kỹ năng mềm bao gồm 8 tín chỉ. Nhà trường tổ chức chương trình với nhiều học phần kỹ năng mềm cần thiết cho phát triển các nhân và nghề nghiệp tương lai. Sinh viên không phải đóng học phí cho các học phần kỹ năng mềm. Các học phần kỹ năng mềm là điều kiện để xét công nhận tốt nghiệp, không được sử dụng để tính điểm trung bình chung tích lũy.

12.12. Nghiên cứu khoa học: Trong cả khóa học, mỗi sinh viên CTĐTCLC phải được công nhận hoàn thành hoạt động nghiên cứu khoa học theo Quy định về hoạt động

ngiên cứu khoa học đối với sinh viên thuộc CTĐTCLC. Đây là một trong những điều kiện xét công nhận tốt nghiệp.

12.13. Khoá luận tốt nghiệp: Sinh viên được yêu cầu thực hiện khoá luận tốt nghiệp, và được khuyến khích thực hiện khoá luận tốt nghiệp bằng tiếng Anh.

12.14. Tham quan, kiến tập, thực hành: Nhà trường tổ chức cho sinh viên tham quan, thực hành, thực tập tại các tổ chức doanh nghiệp, công ty, cơ sở sản xuất trong hoặc ngoài nước theo kế hoạch.

12.15. Đội ngũ giảng viên: Giảng viên tham gia giảng dạy chương trình chất lượng cao phải đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của BGD&ĐT và quy định của Trường. Hàng năm Hiệu trưởng sẽ phê duyệt danh sách giảng viên tham gia giảng dạy chương trình chất lượng cao. Danh sách này sẽ được công bố trên website chính thức của Nhà trường.

HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.,TS. Nguyễn Đức Trung